

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 140/TTr-TNMT ngày 27/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN-06.2.2, KCN Tân Hưng, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Thành lập Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam” tại Một phần Lô CN-06 (CN-06.2.2), KCN Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: “Thành lập Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần Lô CN-06 (CN-06.2.2), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên có mã số doanh nghiệp 2400974628 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/9/2023

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án 9862786680 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11/9/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400974628

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần Lô CN-06 (CN-06.2.2), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng 18.500 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít: 4.350 tấn/năm, chi tiết:

+ Sản xuất, gia công sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự ma tít: 3.380 tấn/năm.

+ Sản xuất, gia công mực in: 970 tấn/năm.

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, chi tiết: Sản xuất, gia công chất tẩy rửa, chế phẩm vệ sinh dùng trong ngành công nghiệp: 200 tấn/năm.

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công chất kết dính (keo) dùng trong ngành công nghiệp điện, điện tử: 400 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lạng Giang, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Thành lập Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam” tại Một phần Lô CN-06 (CN-06.2.2), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 164/QĐ-TNMT ngày 01/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Thành lập Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam” tại Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Tân Hưng, Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm của dự án sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Hưng (do Công ty cổ phần Lideco 1 xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng đã ký giữa Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam với Công ty cổ phần Lideco 1); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Nước thải từ quá trình sản xuất: Nước rửa thiết bị, lau sàn, phun sơn, xử lý khí thải được thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; nước làm mát được tuần hoàn sử dụng, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 5 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 44m³, sau đó sẽ theo các đường ống ống nhựa PVC và HDPE D110, D140, D200 dài khoảng 341m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Hưng để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất, gồm:

+ Nước rửa thiết bị, lau sàn phát sinh khoảng 8m³/tháng, được thu gom về bể chứa nước thải sản xuất, thể tích 30m³ để lưu giữ trước khi thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại.

+ Nước sử dụng cho công đoạn phun sơn thử nghiệm phát sinh khoảng 65m³/tháng được sử dụng tuần hoàn tại thiết bị phun sơn, để dập bụi sơn trong quá trình sơn, vệ sinh máy phun sơn. Định kỳ 1 tháng/lần thay thế và xử lý cùng chất

thải nguy hại, không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước từ hệ thống xử lý bụi sơn phát sinh khoảng 4m³/tháng được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ 3 tháng/lần thay thế và thu gom xử lý cùng chất thải nguy hại, không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước làm mát phát sinh khoảng 15m³/năm được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường. Định kỳ 3 tháng/lần thay thế và thu gom xử lý cùng chất thải nguy hại, không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga xả nước thải đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang (*Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu công nghiệp Tân Hưng*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol/ Mật rỉ đường: 60 kg/tháng; Clorine: 4kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể trung hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/8/2025 đến ngày 30/10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNM T, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Tổng nitơ	mg/l	40	
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	
7	Sunfua	mg/l	0,5	

8	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000	

2.3 Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom nước thải sinh hoạt	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N),	Lấy mẫu đơn 1 lần/ngày. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 15/9/2025	QCVN 40: 2011/BTN MT cột B
2	01 vị trí hố ga nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp	Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Lấy mẫu đơn 1 lần/ngày, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: 15/9/2025 - Lần 2: 16/9/2025 - Lần 3: 17/9/2025	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 09 nguồn

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Có 9 dòng khí thải tại 9 ống thoát khí thải sau 9 hệ thống xử lý khí thải, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 1: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1.
- Dòng khí thải số 2: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2.
- Dòng khí thải số 3: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2.
- Dòng khí thải số 4: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4.
- Dòng khí thải số 5: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải

từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1.

- Dòng khí thải số 6: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2.

- Dòng khí thải số 7: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1.

- Dòng khí thải số 8: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3.

- Dòng khí thải số 9: Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4.

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 09 vị trí xả khí thải (*Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰*)

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1. Tọa độ vị trí xả thải: X=2358593, Y= 426788.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2358585, Y= 426765.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2358612, Y= 426803.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4. Tọa độ vị trí xả thải: X= 23578585, Y= 426694.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2358914, Y= 426748.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2357486, Y= 426815.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2358605, Y= 426827.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2357689, Y= 426793.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4. Tọa độ vị trí xả thải: X= 2357806, Y= 426812.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 190.000 m³/giờ, tương đương 1.520.000 m³/ngày, trong đó:

- Dòng khí thải số 1: 25.000 m³/giờ, tương đương 200.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 2: 25.000 m³/giờ, tương đương 200.000 m³/ngày.

- Dòng khí thải số 3: 40.000 m³/giờ, tương đương 320.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 4: 60.000 m³/giờ, tương đương 480.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 5: 8.000 m³/giờ, tương đương 64.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 6: 8.000 m³/giờ, tương đương 64.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 7: 8.000 m³/giờ, tương đương 64.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 8: 8.000 m³/giờ, tương đương 64.000 m³/ngày.
- Dòng khí thải số 9: 8.000 m³/giờ, tương đương 64.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN19:2009/BTNMT (cột B) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	06 tháng/lần
2	Benzen	mg/Nm ³	-	5	01 năm/lần
3	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
4	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
5	n-Butyl Axetat	mg/Nm ³	-	950	
6	Styren	mg/Nm ³	-	100	
7	n-Hexan	mg/Nm ³	-	450	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Đối với khí thải phát sinh tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng

kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1: Khí thải phát sinh được hút trực tiếp vào đường ống D100, chiều dài L=120m bằng tôn mạ kẽm, thu gom vào các đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước: 200x150, chiều dài L=15m; 200x200, chiều dài L=60m; 300x300, chiều dài L= 20m; 400x400, chiều dài L= 25m; 600x400, chiều dài L=15m; 800x500, chiều dài L=10m; sau đó về đường ống chính bằng vật liệu tôn mạ kẽm Kích thước: 1000x600, chiều dài L= 6m và 600x400, chiều dài L= 5m đưa khí thải về hệ thống xử lý.

- Đối với khí thải phát sinh tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2: Khí thải phát sinh được hút trực tiếp vào đường ống D100, chiều dài L=120m bằng tôn mạ kẽm, thu gom vào các đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước: 200x150, chiều dài L=15m; 200x200, chiều dài L=60m; 300x300, chiều dài L= 20m; 400x400, chiều dài L= 25m; 600x400, chiều dài L=15m; 800x500, chiều dài L=10m; sau đó về đường ống chính bằng vật liệu tôn mạ kẽm Kích thước: 1000x600, chiều dài L= 6m và 600x400, chiều dài L= 5m đưa khí thải về hệ thống xử lý.

- Đối với khí thải phát sinh tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2: Khí thải phát sinh được thu gom vào 37 chụp hút kích thước: D160, D400/160, D400/200; 1500x1500x400mm, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D200, chiều dài L=40m; D300, chiều dài L=30m; D400, chiều dài L=45m; D500, chiều dài L=15m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: D800, chiều dài L=30m; D500, chiều dài L=25m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4: Khí thải phát sinh được thu gom vào 37 chụp hút kích thước: D160, D400/160, D400/200; 1500x1500x400mm, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D200, chiều dài L=40m; D300, chiều dài L=30m; D400, chiều dài L=45m; D500, chiều dài L=15m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: D800, chiều dài L=30m; D500, chiều dài L=25m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1: Khí thải phát sinh được thu gom vào 3 chụp hút kích thước: D200, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D300, chiều dài L=9m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: 500x400, chiều dài L=10m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2: Khí thải phát sinh được thu gom vào 3 chụp hút kích thước: D200, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D300, chiều dài L=9m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: 500x400, chiều dài L=10m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1: Khí thải phát sinh được thu gom vào 3 chụp hút kích thước: D200, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D300, chiều dài L=9m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: 500x400, chiều dài L=10m, vật liệu: tôn mạ kẽm

đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3: Khí thải phát sinh được thu gom vào 3 chụp hút kích thước: D200, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D300, chiều dài L=9m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: 500x400, chiều dài L=10m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4: Khí thải phát sinh được thu gom vào 3 chụp hút kích thước: D200, vật liệu: tôn mạ kẽm về đường ống nhánh kích thước: D300, chiều dài L=9m, vật liệu: tôn mạ kẽm; sau đó về đường ống chính kích thước: 500x400, chiều dài L=10m, vật liệu: tôn mạ kẽm đưa về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính kết hợp UV → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.800 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính kết hợp UV → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.800 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán (khuấy trộn), nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp dập bụi túi vải (chỉ đối với nguồn khí thải chứa bụi, với nguyên liệu dạng bột) → Tủ than hoạt tính kết hợp UV → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.800 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán (khuấy trộn), nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính kết hợp UV → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 60.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.800 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp đập bụi → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 700 kg/năm; nước: 2.400 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp đập bụi → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 700 kg/năm; nước: 2.400 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp đập bụi → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 700 kg/năm; nước: 2.400 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp đập bụi → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 700 kg/năm; nước: 2.400 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp đập bụi → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước

khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 700 kg/năm; nước: 2.400 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa:

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/8/2025 đến ngày 30/10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1: công suất 25.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2: công suất 25.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2: công suất 40.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4: công suất 60.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1: công suất 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2: công suất 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1: công suất 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3: công suất 8.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4: công suất 8.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 1.	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, Styren, n-Hexan.	Lấy mẫu đơn 1 lần/ngày trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau:	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B và QCVN 20:2009/B TNMT
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phòng dự án, phòng thí nghiệm, phòng kiểm tra... thuộc nhà văn phòng nghiên cứu 2.	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, Styren, n-Hexan.	- Lần 1: 15/9/2025	
3	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 1, 2.	Bụi tổng, Benzen, Xylen, Toluen, Styren, n-Hexan	- Lần 2: 16/9/2025	
4	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực máy phân tán, nghiền, cân, kiểm tra, sấy... thuộc nhà xưởng 3, 4.	Bụi tổng, Benzen, Xylen, Toluen, Styren, n-Hexan	- Lần 3 : 17/9/2025	
5	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 1.	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, n-Butyl Axetat.		
6	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 3 nhà văn phòng nghiên cứu 2	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, n-Butyl Axetat.		
7	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 1	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, n-Butyl Axetat.		

8	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 3.	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, n- Butyl Axetat.		
9	01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải sơn tại tầng 1 nhà xưởng 4.	Bụi tổng, Benzen, Toluen, Xylen, n- Butyl Axetat.		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

04 nguồn phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại 04 nhà xưởng của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107^0 , múi chiều 3^0).

- 01 vị trí tại giữa tầng 1 xưởng 1. Tọa độ X: 2361525; Y: 426785
- 01 vị trí tại giữa tầng 1 xưởng 2. Tọa độ X: 2360990; Y: 426896
- 01 vị trí tại giữa tầng 1 xưởng 3. Tọa độ X: 2361427; Y: 426812
- 01 vị trí tại giữa tầng 1 xưởng 4. Tọa độ X: 2361232; Y: 426882

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

+ Ngoài ra bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí...

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại có thành phần nguy hại	Rắn	2.000
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa có thành phần nguy hại	Rắn	2.000
4	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	1000
5	Vải lọc sơn, vecni, matit thải	Rắn	2000
6	Bụi, cặn; Sản phẩm sơn, vecni, matit hỏng thải (chiếm 1% khối lượng nguyên liệu)	Rắn	34.000
7	Sản phẩm mực in hỏng thải (chiếm 2% khối lượng nguyên liệu)	Rắn	20.000
8	Sản phẩm chất tẩy rửa, chế phẩm vệ sinh hỏng thải (chiếm 0,5% khối lượng nguyên liệu)	Lỏng	1.000
9	Sản phẩm keo hỏng thải (chiếm 1,5% khối lượng nguyên liệu)	Rắn	6.000
10	Nước thải từ quá trình phun sơn thử nghiệm, rửa máy	Lỏng	780.000
11	Nước rửa máy móc thiết bị chứa thành phần nguy hại	Lỏng	96.000
12	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải phun sơn thử nghiệm	Lỏng	12.000
13	Than hoạt tính, bông lọc bụi từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	10.700
Tổng cộng:			966.720

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên gồm:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng Chất thải
1	Bao bì đựng nguyên liệu thải không chứa thành phần nguy hại (bao bì đựng nguyên liệu nhựa, bột kim loại,...)	Tấn/năm	1
2	Bao bì, nilon, thùng carton, nhãn mác, găng tay... hỏng thải	Tấn/năm	2
3	Sản phẩm sơn, in thử nghiệm thải	Tấn/năm	1,5
	Tổng khối lượng	Tấn/năm	4,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 50kg/ngày, tương đương với 15.600 kg/năm. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí khoảng 15 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích khoảng 100-200 lít/thùng.

Đối với than hoạt tính, bông lọc bụi từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ 6 tháng/lần và được thực hiện cùng với quá trình xử lý chất thải nguy hại.

Đối với nước rửa máy móc thiết bị, nước lau sàn sẽ được thu gom về bể chứa nước thải sản xuất (gần hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt), có thể tích 30m³ để lưu giữ riêng trước khi thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Bể được thiết kế xây ngầm, trát vữa xi măng. Định kỳ 3 tháng/lần hút đi xử lý cùng chất thải nguy hại.

Nước thải từ phòng phun sơn, vệ sinh máy phun sơn định kỳ 1 tháng/lần thay thế, được thu gom đưa đi xử lý hàng tháng.

Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải sơn định kỳ 3 tháng/lần thay thế, được thu gom đưa đi xử lý sau mỗi đợt thay thế.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 120 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho chứa chất thải được bố trí tại khu vực nhà phụ trợ, nằm bên ngoài nhà xưởng. Kho chứa được thiết kế xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý 3

tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 12 thùng chứa, dung tích khoảng 200-500 lít/thùng để thu gom, lưu chứa.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 60m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho chứa chất thải được bố trí tại khu vực nhà phụ trợ, nằm bên ngoài nhà xưởng. Kho chứa được thiết kế xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất vận chuyển xử lý 1 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí khoảng 15 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa dung tích khoảng 25 lít/thùng trong khu vực nhà vệ sinh, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn... để thu gom, phân loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sau đó cuối mỗi buổi làm việc tập kết túi bóng buộc kín và lưu giữ tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 3,6m³, định kỳ 6 tháng/lần đưa đi xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 60m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho chứa chất thải được bố trí tại khu vực nhà phụ trợ, nằm bên ngoài nhà xưởng. Kho chứa được thiết kế xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, tần suất thu gom 3 ngày/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH công nghệ vật liệu mới Ciyu Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Tân Hưng, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Lạng Giang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 140/TTr-TNMT ngày 27/03/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.